



# PHIẾU DỮ LIỆU AN TOÀN

## 1. Nhận dạng

Mã định danh sản phẩm	CN742 Series
Các hình thức nhận dạng khác	
Từ Đồng Nghĩa	HP Scitex WB300 Supreme Magenta Ink
Công dụng đề nghị	In phun.
Các giới hạn đề nghị	Chưa được biết.
Thông tin về Nhà Sản Xuất/Nhập Khẩu/Cung Cấp/Phân Phối	Hewlett-Packard Vietnam Ltd. Suite 1002, 29 Lê Duẩn, Saigon Tower, tầng 10, District 1, Ho Chi Minh city, Ho Chi Minh (Sai Gon), Việt Nam
Điện Thoại	+84437245550
HP Inc. health effect line (Toll-free within US) (Direct)	1-800-457-4209 1-760-710-0048
HP Inc. Customer Care Line (Toll-free within the US) (Direct)	1-800-474-6836 1-208-323-2551
Email:	hpcustomer.inquiries@hp.com

## 2. Nhận diện các hiểm họa

Hiểm Họa Vật Lý	Không được phân loại.
Hiểm Họa Cho Sức Khỏe	Độc tính đối với cơ quan tác dụng đặc hiệu      Loại 2 đến sau lần tiếp xúc lại
Các hiểm họa cho môi trường	Không được phân loại.
Các thành phần của nhãn	



Từ cảnh báo	Cảnh báo
Công bố hiểm họa	Gây tổn thương cho các cơ quan (Thận) nếu tiếp xúc lâu dài hoặc nhiều lần.
Thông điệp đề phòng	
Phòng Ngừa	Không hít bụi/khói/khí/sương/các hơi/bụi xịt.
Ứng phó	Nhận chăm sóc/tư vấn y tế nếu cảm thấy không khỏe.
Bảo Quản	Không có.
Thải bỏ	Vứt bỏ vật chứa bên trong/thùng chứa tuân theo các quy định địa phương/khu vực/quốc gia/quốc tế.
Các hiểm họa khác không cần phải được phân loại	Các đường phơi nhiễm quá mức tiềm ẩn đối với sản phẩm này bao gồm tiếp xúc với da và mắt.
Thông tin thêm	Không có.

## 3. Thành phần/ thông tin về các phụ liệu

### Các hỗn hợp

Thành phần nguy hại	Tên thông dụng và từ đồng nghĩa	Số CAS	%
Tên Hóa Chất			
Monomer Resin		Hỗn hợp	<10
Dietylen glycol		111-46-6	<7.5
Red Colorant		Độc quyền	<7.5

Các thành phần không nguy hiểm			
Tên Hóa Chất	Tên thông dụng và từ đồng nghĩa	Số CAS	%
Nước		7732-18-5	<50
Dipropylen glycol		25265-71-8	<40

**Nhận xét cấu tạo** Sản phẩm này có độ hòa tan cao trong nước.

#### 4. Các biện pháp sơ cứu

<b>Hít phải</b>	Đưa ra nơi không khí trong lành. Nếu các triệu chứng không hết, hãy nhận chăm sóc y tế.
<b>Tiếp xúc với da</b>	Trong trường hợp tiếp xúc, cởi bỏ ngay lập tức quần áo bị nhiễm bẩn và rửa da bằng nhiều nước. Giặt riêng quần áo trước khi sử dụng.
<b>Tiếp xúc với mắt</b>	Trong trường hợp tiếp xúc với mắt, tháo kính áp tròng và rửa ngay lập tức bằng nhiều nước, cả bên dưới mí mắt, trong thời gian ít nhất là 15 phút. Nhận chăm sóc y tế nếu kích ứng phát triển hoặc vẫn còn.
<b>Ăn phải</b>	Súc miệng bằng nước. Không đưa bất cứ cái gì vào miệng nạn nhân bị bất tỉnh. Nếu các triệu chứng không hết, hãy nhận chăm sóc y tế.
<b>Các triệu chứng/tác dụng quan trọng nhất, cấp tính và chậm xuất hiện</b>	Không có.

#### 5. Các biện pháp cứu hỏa

<b>Các chất chữa cháy phù hợp</b>	Phương tiện cứu hỏa thích hợp; cát khô, CO <sub>2</sub> và CO.
<b>Chất chữa cháy không phù hợp</b>	Không có.
<b>Hiểm họa đặc trưng phát sinh từ hóa chất</b>	Chưa được biết.
<b>Trang bị bảo hộ đặc biệt cho nhân viên chữa cháy</b>	Không có.
<b>Các chỉ dẫn/trang thiết bị cứu hỏa</b>	Mặc thiết bị bảo hộ thích hợp.

#### 6. Các biện pháp xử lý rò rỉ bất ngờ

<b>Các biện pháp đề phòng cá nhân, thiết bị bảo vệ và các quy trình xử lý khẩn cấp</b>	Tránh tiếp xúc với da. Không đứng chạm hoặc bước qua vật liệu bị tràn đổ. Sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân để giảm thiểu sự phơi nhiễm với da và mắt.
<b>Phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch</b>	Các phương pháp làm sạch – tràn nhỏ
<b>Các biện pháp đề phòng cho môi trường</b>	Không xả vào nguồn nước mặt hay hệ thống cống vệ sinh.

#### 7. Thao tác và bảo quản

<b>Các biện pháp đề phòng cho thao tác an toàn</b>	Tránh tiếp xúc với da, mắt và quần áo. Sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân theo yêu cầu. Chỉ sử dụng khi có biện pháp thông khí đầy đủ. Không ăn, uống, hút thuốc khi sử dụng.
<b>Các điều kiện bảo quản an toàn, kể cả mọi tính chất tương kỵ</b>	Đóng kín và để tại nơi khô ráo, mát mẻ và thông gió tốt. Bảo quản ở nhiệt độ trong phòng.

#### 8. Kiểm soát việc tiếp xúc / bảo hộ cá nhân

**Các giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp**

**Hiệp Hội Vệ Sinh Công Nghiệp Hoa Kỳ (ACGIH)**

Thành phần	Loại	Giá trị
Red Colorant	TWA	10 mg/m <sup>3</sup>

**Các giá trị giới hạn sinh học** Không có giới hạn tiếp xúc sinh học nào đáng lưu ý cho (các) thành phần.

**Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp** Không có.

**Các biện pháp bảo vệ cá nhân, như trang bị bảo hộ cá nhân**

**Biện pháp bảo vệ mắt/mặt** Đeo kính an toàn; mặt nạ chống hóa chất (nếu có thể có bắn tóe).

**Bảo vệ da**

**Bảo vệ tay** Mang bao tay chống hóa chất thích hợp.

**Khác** Mặc quần áo chống hóa chất thích hợp.

**Bảo vệ đường hô hấp** Không cần thiết bị bảo vệ đường hô hấp cá nhân trong điều kiện sử dụng bình thường. Thực hiện thông khí đầy đủ.

**Các hiểm họa nhiệt** Không có.

**Các lưu ý vệ sinh chung**

Xử lý theo các biện pháp an toàn vệ sinh công nghiệp. Tránh tiếp xúc với da, mắt và quần áo. Không ăn, uống, hút thuốc khi sử dụng. Rửa tay trước khi nghỉ giải lao và ngay sau khi thao tác với sản phẩm.  
Giặt sạch quần áo nhiễm hóa chất rồi mới được dùng lại.

---

**9. Tính chất lý hóa****Ngoại Quan**

<b>Trạng thái vật lý</b>	Chất lỏng.
<b>Dạng</b>	Dung dịch nước.
<b>Màu</b>	Magenta
<b>Mùi</b>	Đặc điểm.
<b>Ngưỡng phát hiện mùi</b>	Không có.
<b>pH</b>	9.5 - 10.1
<b>Điểm chảy/điểm đông</b>	Không có.
<b>Điểm và vùng nhiệt độ sôi ban đầu</b>	Không có.
<b>Nhiệt Độ Bốc Cháy</b>	> 93.3 °C (> 200.0 °F) Cốc Kín
<b>Tốc độ bay hơi</b>	Không có.
<b>Khả năng cháy (rắn, khí)</b>	Không có.
<b>Giới hạn cháy trên/dưới hoặc các giới hạn nổ</b>	
<b>Giới hạn cháy - dưới (%)</b>	Không có.
<b>Giới hạn cháy - trên (%)</b>	Không có.
<b>Giới hạn nổ – dưới (%)</b>	Không có.
<b>Giới hạn nổ – trên (%)</b>	Không có.
<b>Áp suất hơi</b>	Không có.
<b>Tỷ khối hơi</b>	Không có.
<b>(Các) độ tan</b>	
<b>Tính tan (nước)</b>	Không có.
<b>Hệ số phân tách (n-octanol/nước)</b>	Không có.
<b>Nhiệt độ tự bốc cháy</b>	Không có.
<b>Nhiệt độ phân hủy</b>	Không có.
<b>Độ nhớt</b>	Không có.
<b>Thông tin khác</b>	
<b>Dòng hóa chất</b>	Aqueous Formulation
<b>Hợp Chất Hữu Cơ Dễ Bay Hơi</b>	< 351 g/l

---

**10. Độ bền và khả năng phản ứng**

<b>Khả năng phản ứng</b>	Không có.
<b>Độ bền hóa học</b>	Ổn định trong các điều kiện bảo quản bình thường.
<b>Khả năng gây phản ứng nguy hiểm</b>	Không có.
<b>Các điều kiện cần tránh</b>	Không có.
<b>Các vật liệu tương kỵ</b>	Chưa được biết. Chưa được biết.
<b>Các sản phẩm phân hủy gây nguy hiểm</b>	Không có.

---

**11. Thông tin về độc tính****Thông tin về các lộ trình tiếp xúc có khả năng xảy ra**

<b>Hít phải</b>	Không có.
<b>Tiếp xúc với da</b>	Không có.
<b>Tiếp xúc với mắt</b>	Không có.
<b>Ăn phải</b>	Không có.

**Triệu chứng liên quan đến tính chất vật lý, hóa học và độc tính.** Không có.

**Thông tin về các tác dụng độc**

Tên vật liệu: CN742 Series

11306 Phiên bản số: 03 Ngày sửa đổi: 12-Tháng-Chín-2017 Ngày Ban Hành: 19-Tháng-Tám-2016

SDS VIETNAM

3 / 6

<b>Độc tính cấp tính</b>	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.	
<b>Thành phần</b>	<b>Loài</b>	<b>Kết quả thử nghiệm</b>
Red Colorant		
<b>Cấp tính</b>		
<b>Qua Miệng</b>		
LD50	Chuột	>= 5000 mg/kg
<b>Ăn mòn/kích ứng da</b>	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.	
<b>Gây tổn thương mắt /kích ứng mắt nghiêm trọng</b>	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.	
<b>Gây mẫn cảm đường hô hấp hoặc da</b>		
<b>Gây mẫn cảm đường hô hấp</b>	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.	
<b>Gây mẫn cảm da</b>	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.	
<b>Khả năng gây đột biến tế bào mầm</b>	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.	
<b>Khả năng gây ung thư</b>	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.	
<b>Độc tích sinh sản</b>	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.	
<b>Độc tính đối với cơ quan tác dụng đặc hiệu đến sau một lần tiếp xúc</b>	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.	
<b>Độc tính đối với cơ quan tác dụng đặc hiệu đến sau lần tiếp xúc lại</b>	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại. Gây tổn thương cho các cơ quan (Thận) nếu tiếp xúc lâu dài hoặc nhiều lần.	
<b>Hiểm họa hít phải</b>	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.	
<b>Thông tin khác</b>	Không có dữ liệu độc tính đầy đủ cho công thức cụ thể này Tham khảo Mục 2 về tác động sức khỏe tiềm ẩn và Mục 4 về các biện pháp sơ cứu.	

## 12. Thông tin về sinh thái

<b>Độc tính sinh thái</b>	Sản phẩm này vẫn chưa được thử nghiệm đối với các tác động sinh thái.
<b>Độ Bền Và Khả Năng Phân Hủy</b>	Không có.
<b>Khả năng tích tụ sinh học</b>	Không có.
<b>Di chuyển trong đất</b>	Không có.
<b>Các tác dụng có hại khác</b>	Không có.

## 13. Các cân nhắc khi thải bỏ

<b>Các Hướng Dẫn Thải Bỏ</b>	Không thải bỏ cùng với rác thải thông thường của văn phòng. Không để vật liệu này chảy vào đường ống thoát nước/nguồn nước. Thải bỏ vật liệu phế thải theo các quy định của Địa phương, Tiểu bang, Liên bang và Quy định về Môi trường của Tỉnh. Đảm bảo thực hiện thu gom và thải bỏ với một nhà thầu xử lý rác thải có giấy phép thích hợp.
<b>Chất thải từ cặn lắng/ sản phẩm không sử dụng</b>	Không có.
<b>Bao bì bị ô nhiễm</b>	Không có.

## 14. Thông tin về việc vận chuyển

<b>Bộ Giao Thông Vận Tải (DOT)</b>	Không được quy định là hàng hóa nguy hiểm.
<b>IATA</b>	Không được quy định là hàng hóa nguy hiểm.
<b>IMDG</b>	Không được quy định là hàng hóa nguy hiểm.
<b>ADR</b>	Không được quy định là hàng hóa nguy hiểm.

## 15. Thông tin về quy định

<b>Các quy định quốc gia</b>	<b>Các Chất Tiêu Hủy Tầng Ozon (ODS) Thông Tư Liên Ngành số 14/2005/TTLT-BTM-BTNMT</b> Không được quy định.
------------------------------	--

**Việt Nam. Các hóa chất phải khai báo (Nghị định số 108/2008/ND-CP, phụ lục 5, ngày 7/10/2008, sửa đổi qua Nghị Định số 26/2011/ND-CP, 8/4/2011)**

Không được quy định.

**Việt Nam. Hóa Chất Độc Cần Sử Dụng Phiếu Kiểm Soát Mua Bán (Nghị định số 26/2011/ND-CP, Phụ Lục 6, ngày 8/4/2011)**

Không được quy định.

**Việt Nam. CWC (Nghị định số 100/2005/ND-CP, Thực hiện Công Ước Về Vũ Khí Hóa Học, Phụ Lục 1, Bảng 1-3, ngày 3/8/2005)**

Không được quy định.

**Việt Nam. Các Chất Ma Túy & Tiền Chất (Nghị Định 67/2001/ND-CP, Danh Sách IV, sửa đổi qua Nghị Định số 17/2011/ND-CP, 22/2/2011)**

Không được quy định.

**Các quy định quốc tế**

Tất cả các hóa chất trong sản phẩm HP này đã được thông báo hoặc miễn trừ thông báo theo các luật về thông báo hóa chất ở các quốc gia sau: Hoa Kỳ (TSCA), Liên minh Châu Âu (EINECS/ELINCS), Thụy Sĩ, Canada (DSL/NDSL), Australia, Nhật Bản, Philippines, Hàn Quốc, New Zealand và Trung Quốc.

**Hiệp Ước Stockholm**

Không áp dụng.

**Hiệp Ước Rotterdam**

Không áp dụng.

**Nghị định thư Montreal**

Không áp dụng.

**Nghị định thư Kyoto**

Không áp dụng.

**Hiệp Ước Basel**

Không áp dụng.

---

**16. Thông tin khác, kể cả ngày soạn thảo hoặc sửa đổi**

**Ngày Ban Hành**

19-Tháng-Tám-2016

**Ngày sửa đổi**

12-Tháng-Chín-2017

**Phiên bản số**

03

**Khước Từ Trách Nhiệm**

Tài liệu Bảng Dữ liệu An toàn này được cung cấp miễn phí cho khách hàng của HP. Dữ liệu nằm trong phạm vi hiểu biết gần đây nhất của HP tại thời điểm viết tài liệu này và được coi là chính xác. Tài liệu này không được hiểu là đảm bảo các thuộc tính cụ thể của các sản phẩm như được mô tả hoặc tính thích hợp cho một ứng dụng cụ thể. Tài liệu này được viết theo các yêu cầu của phạm vi tài phán được chỉ định trong Mục 1 ở trên và có thể không đáp ứng các yêu cầu về quy định tại các quốc gia khác.

## Explanation of abbreviations

<b>Hiệp Hội Vệ Sinh Công Nghiệp Hoa Kỳ (ACGIH )</b>	American Conference of Governmental Industrial Hygienists
<b>CAS</b>	Chemical Abstracts Service
<b>Đạo Luật Tổng Quát về Đối Phó Bồi Thường và Trách Nhiệm Môi Trường (CERCLA )</b>	Comprehensive Environmental Response Compensation and Liability Act
<b>CFR</b>	Code of Federal Regulations
<b>COC</b>	Cốc Hồ Cleveland
<b>Bộ Giao Thông Vận Tải (DOT )</b>	Department of Transportation
<b>EPCRA</b>	Emergency Planning and Community Right-to-Know Act (aka SARA)
<b>Cơ Quan Nghiên Cứu Ung Thư Quốc Tế (IARC)</b>	International Agency for Research on Cancer
<b>NIOSH</b>	National Institute for Occupational Safety and Health
<b>Chương Trình Độc Chất Quốc Gia (NTP )</b>	National Toxicology Program
<b>Cơ Quan Quản Lý Sức Khỏe và An Toàn Nghề Nghiệp (OSHA )</b>	Occupational Safety and Health Administration
<b>PEL</b>	Giới hạn phơi nhiễm cho phép.
<b>RCRA</b>	Resource Conservation and Recovery Act
<b>REC</b>	Recommended
<b>REL</b>	Recommended Exposure Limit
<b>SARA</b>	Superfund Amendments and Reauthorization Act of 1986
<b>STEL</b>	Short-Term Exposure Limit
<b>Thủ tục xác định độc tính nước rác(TCLP )</b>	Toxicity Characteristics Leaching Procedure
<b>TLV</b>	Giá trị giới hạn ngưỡng
<b>Đạo Luật Kiểm Soát Chất Độc (TSCA )</b>	Toxic Substances Control Act
<b>Hợp Chất Hữu Cơ Dễ Bay Hơi</b>	Các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi